|  |  |
| --- | --- |
|  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG THPT NGÔ GIA TỰ****TỔ: SINH HỌC - KTCN** | **MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ II****NĂM HỌC: 2021 – 2022****Môn: SINH HỌC – Khối lớp 12****Thời gian làm bài: 45 phút** |

**HÌNH THỨC KIỂM TRA: 100% TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN**

| **NỘI DUNG KIẾN THỨC** | **CÁC MỨC ĐỘ KIẾN THỨC** |
| --- | --- |
| **Nhận biết (40%)** | **Thông hiểu (30%)** | **Vận dụng thấp (20%)** | **Vận dụng cao (10%)** | **Tổng Cộng** |
| **Biến động số lượng cá thể của quần thể** | - Nêu được khái niệm trạng thái cân bằng của quần thể và cơ chế duy trì trạng thái cân bằng quần thể.  | - Phân biệt được biến động theo chu kì và biến động không theo chu kì (ví dụ, khái niệm) |  |  |  |
|  | 1 | 1 |  |  | **2** |
|  | 0,3125 | 0,3125 |  |  | **0,625** |
| **Quần xã sinh vật và một số đặc trưng cơ bản của quần xã; Diễn thế sinh thái** | - Nêu được khái niệm, ví dụ về: quần xã sinh vật; khống chế sinh học; - Liệt kê được các đặc trưng cơ bản của quần xã.- Nêu được khái niệm: diễn thế sinh thái, diễn thế nguyên sinh và diễn thế thứ sinh- Trình bày được ý nghĩa của diễn thế sinh thái. | - Phân biệt được loài ưu thế và loài đặc trưng. - Phát hiện được vai trò của hiện tượng phân tầng trong quần xã.- Nhận ra được các ví dụ về quan hệ cộng sinh, hội sinh, hợp tác; cạnh tranh, kí sinh, ức chế cảm nhiễm, sinh vật ăn sinh vật. - Phân biệt được sự khác nhau cơ bản giữa quan hệ hỗ trợ và quan hệ đối kháng trong quần xã. | - Xác định được các mối quan hệ giữa các sinh vật trong quần xã thông qua các ví dụ thực tiễn.  | - Giải thích được cơ sở khoa học của việc trồng xen và nuôi ghép trong trồng trọt và chăn nuôi. - Giải thích được tại sao trong sản xuất người ta thường sử dụng các loài thiên địch để phòng trừ các sinh vật gây hại cho cây trồng.  |  |
|  | 4 | 3 | 1 | 1 | **9** |
|  | 1,25 | 0,9375 | 0,3125 | 0,3125 | **2,8125** |
| **Hệ sinh thái; Trao đổi vật chất trong hệ sinh thái** | - Nêu được khái niệm; các thành cấu trúc của hệ sinh thái.- Nêu được khái niệm về chuỗi và lưới thức ăn.- Liệt kê được các các bậc dinh dưỡng trong một chuỗi thức ăn; các kiểu tháp sinh thái. | - Phân biệt được hệ sinh thái tự nhiên và hệ sinh thái nhân tạo.- Xác định được các mắt xích chung trong 1 lưới thức ăn. - Phân biệt được các loại chuỗi thức ăn; các loại tháp sinh thái.  | - Xây dựng được chuỗi và lưới thức ăn từ các loài sinh vật cho trước- Tính được số chuỗi thức ăn trong 1 lưới thức ăn.- Phân tích được mối quan hệ trong một chuỗi thức ăn và lưới thức ăn. | - Giải thích ảnh hưởng sự biến động số lượng (tăng hoặc giảm) của một mắc xích trong lưới thức ăn đến sự cân bằng sinh thái. |  |
|  | 4 | 3 | 2 | 1 | **10** |
|  | 1,25 | 0,9375 | 0,625 | 0,3125 | **3,125** |
| **Dòng năng lượng trong hệ sinh thái và hiệu suất sinh thái; Chu trình sinh địa hoá và sinh quyển** | - Nêu được khái niệm dòng năng lượng và nhận ra được nguồn năng lượng chủ yếu cung cấp cho HST.- Nêu được khái niệm về hiệu suất sinh thái.- Nêu được khái niệm về chu trình sinh địa hóa; sinh quyển.- Kể tên được các khu sinh học chủ yếu trên Trái Đất.  | **-**  Phát hiện được đặc điểm dòng năng lượng trong HST.- Hiểu được sự chuyển hoá năng lượng giữa các bậc dinh dưỡng trong hệ sinh thái.- Phát hiện được những nguyên nhân làm thất thoát năng lượng ở mỗi bậc dinh dưỡng. | - Giải thích được vì sao năng lượng truyền lên các bậc dinh dưỡng càng cao thì càng nhỏ dần.- Giải thích được các nguyên nhân gây ra hiệu ứng nhà kính.- Từ chu trình nitơ, nêu được các biện pháp sinh học để nâng cao hàm lượng đạm trong đất nhằm cải tạo đất và nâng cao năng suất cây trồng. | - Tính được tỉ lệ % chuyển hóa năng lượng giữa các bậc dinh dưỡng trong một chuỗi thức ăn cụ thể.- Vận dụng kiến thức về hiệu suất sinh thái đề ra các biện pháp giảm thất thoát năng lượng, nâng cao năng suất vật nuôi cây trồng. |  |
|  | 4 | 3 | 3 | 1 | **11** |
|  | 1,25 | 0,9375 | 0,9375 | 0,3125 | **3,4375** |
| **Tổng số câu** | **13** | **10** | **6** | **3** | **32** |
| **Tổng điểm** | **4,0625** | **3,125** | **1,875** | **0,9375** | **10** |